

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2019/DS-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;
Ông Đinh Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐ-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ngân hàng N (viết tắt: Ngân hàng A); Địa chỉ: Số 02, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc H, Giám đốc chi nhánh huyện N, tỉnh Cà Mau, đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng).

+ Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà C - Phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Minh M, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng huyện N, tỉnh Cà Mau, đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng).

- Bị đơn: + Bà Trần Ngọc Th, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng);

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Ngân hàng N, người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu:

Ngày 04 tháng 8 năm 2014, bà Trần Ngọc Th và Ngân hàng N chi nhánh huyện N ký hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-2014 02943/HĐTD, Ngân hàng cho bà Th vay 50.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 03/8/2015. Khi vay Ngân hàng có giữ hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số BD 516853 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp ngày 11/7/2011, số thửa 147, BĐ 26 diện tích 100m² do ông Nguyễn Thanh T đứng tên để đảm bảo cho việc trả nợ.

Nợ vay quá hạn, yêu cầu bà Th và ông T thanh toán gốc 50.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/11/2019 là 35.256.944 đồng. Trong đó: Lãi suất trong hạn là 26.972.222 đồng, lãi suất quá hạn 8.284.722 đồng.

Nguyên đơn - Ngân hàng C, người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu:

Ngày 30/10/2012, Ngân hàng cho bà Th vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hạn trả nợ gốc ngày 20/11/2015, cho vay thuộc diện hộ nghèo. Từ khi vay đến nay có trả được 5.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất còn nợ tính đến ngày 27/11/2019 là 5.269.195 đồng.

Ngày 20/11/2012, Ngân hàng cho bà Th vay 10.000.000 đồng, hạn trả nợ gốc 20/11/2015, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, cho vay thuộc diện hộ nghèo. Từ khi vay đến nay chưa trả nợ gốc, lãi còn nợ tính đến ngày 27/11/2019 là 3.546.147 đồng.

Ngày 21/5/2014, Ngân hàng cho bà Th vay 12.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/5/2019, lãi suất trong hạn 0,8%/tháng, quá hạn 1,04%/tháng. Mục đích vay là nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn – Trung hạn – TW. Từ khi vay đến nay chưa trả gốc, lãi còn nợ tính đến 27/11/2019 là 5.845.186 đồng.

Yêu cầu bà Th, ông T liên đới thanh toán 51.660.528 đồng. Trong đó: Nợ gốc 37.000.000 đồng, lãi suất là 14.660.528 đồng.

Bị đơn bà Trần Ngọc Th trình bày:

Bà Th có vay Ngân hàng C huyện N 03 lần với tổng số tiền gốc là 37.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 30/10/2012 vay 15.000.000 đồng, ngày 20/11/2012 vay 10.000.000 đồng, ngày 21/5/2014 vay 12.000.000 đồng, đến nay gốc và lãi chưa thanh toán.

Vay Ngân hàng N 50.000.000 đồng vào năm 2014, đến nay chưa thanh toán gốc và lãi. Khi vay có gửi giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Thanh T cho Ngân hàng giữ.

Đồng ý cùng ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng N và Ngân hàng C số tiền vay nợ gốc và lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày tại bản khai ngày 20/8/2018:

Nợ Ngân hàng N đồng ý có nợ, vay để nâng cấp nền nhà.

Đối với khoản nợ vay Ngân hàng C, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông T, nhưng hết thời hạn pháp luật quy định ông T không có văn bản trả lời cho Tòa án, Tòa án thông báo về phiên hòa giải ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N; Ngân hàng C và bà Th, ông T vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N và Ngân hàng C; buộc bà Th và ông T thanh toán cho nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N số tiền 85.256.944 đồng; nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C số tiền 51.660.528 đồng. Về án phí bà Th và ông T liên đới chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Ngọc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung và công nợ với ông Nguyễn Thanh T; Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N; Ngân hàng C có yêu cầu độc lập. Bà Th gửi đơn rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu, Do đó Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Ngọc Th và căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác do bà Th rút lại toàn bộ nội dung đơn khởi kiện nên trong vụ án Ngân hàng N, Ngân hàng C khởi kiện bà Th và ông T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Th khởi kiện thì họ không còn quyền lợi gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Nguyên đơn là: Ngân hàng N; Ngân hàng C, người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn bà Trần Ngọc Th yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu

cầu này phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đương sự vắng mặt không lý do, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N và Ngân hàng C khởi kiện vợ chồng bà Th và ông T yêu cầu thanh toán tiền trong hợp đồng tín dụng, nên quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng C:

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Th và ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng tiền vay gốc là 37.000.000 đồng theo 03 khế ước vay tiền, bà Th thừa nhận là có ký khế ước vay nợ 03 hợp đồng vay, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Quá trình vay đến nay khoản vay 20 triệu có trả nợ gốc 5.000.000 đồng, các khoản vay còn lại chưa trả nợ gốc. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và trả nợ lãi nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu bà Th và ông T liên đới thanh toán nợ gốc 37.000.000 đồng, bà Th xác định có vay nợ Ngân hàng và đồng ý thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng 37.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà Th vay nợ của Ngân hàng C vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng huyện N đến nay nợ đã quá hạn bà Th không hoàn gốc cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong khế ước vay nên buộc bà Th có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

Về lãi suất: Từ khi vay đến nay chưa thanh toán, gây khó khăn cho việc thu hồi vốn lãi của Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2019 là 14.660.528 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận. Bởi lẽ: Mặc dù ông Nguyễn Thanh T không trực tiếp ký hợp đồng vay nhưng tại sổ vay vốn ông Nguyễn Thanh T có ký tên vào phần người thừa kế (bút lục số 207).

Mặt khác, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà Th thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng C tổng số tiền gốc lãi 51.660.528 đồng là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu thanh toán tiền vay:

Thấy rằng, tại hợp đồng vay giữa Ngân hàng và bà Th ký kết ngày 04 tháng 8 năm 2014, bà Th thừa nhận có vay 50.000.000 đồng nợ gốc, lãi đến nay chưa thanh toán. Ngân hàng yêu cầu bà Th và ông T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng gốc 50.000.000 đồng. Bà Th đồng ý cùng ông T liên đới thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng; tại bản tự khai ngày 20/8/2018 ông T cũng xác định có vay Ngân hàng N, mục đích vay để nâng cấp nền nhà (bút lục số 94). Từ những cơ sở trên có căn cứ buộc bà Th và ông T liên đới thanh toán cho Ngân hàng N nợ gốc tiền vay 50.000.000 đồng.

Về lãi suất: Căn cứ vào hợp đồng thể hiện lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, bà Th và ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận. Do đó buộc bà Th và ông T trả lãi cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng ký kết tính ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2019 là 35.256.944 đồng là có căn cứ. Tổng cộng vốn lãi bà Th và ông T thanh toán cho Ngân hàng N là 85.256.944 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.* Do đó, kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019, bà Th và ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng N và Ngân hàng C thì còn tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc, mức lãi suất theo hợp đồng đã ký với các Ngân hàng.

[4] Ngân hàng N cho rằng giữ hộ Giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Thanh T. Thấy rằng, trong giao kết hợp đồng đôi bên không ký hợp đồng thế chấp cho khoản nợ vay, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không đặt ra yêu cầu, mặt khác Công an nhân dân huyện Năm Căn đã có lệnh kê biên tài sản là nhà và QSD đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận bà Th và ông T phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là:

- Đối với yêu cầu của Ngân hàng N: $85.256.944 \text{ đồng} \times 5\% = 4.262.847 \text{ đồng}$.

- Đối với Ngân hàng C: $51.660.528 \text{ đồng} \times 5\% = 2.583.026 \text{ đồng}$.

Do ông T là người cao tuổi nên ông T được miễn nộp phần án phí của ông T là 3.423.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần bà Th không được miễn nên bà Th phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí là 3.423.000 đồng (lấy tròn).

Ngân hàng N có nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại toàn bộ.

Ngân hàng C thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng N; Ngân hàng C về việc khởi kiện yêu cầu bà Trần Ngọc Th và ông Nguyễn Thanh T thanh toán tiền vay.

Buộc bà Trần Ngọc Th và ông Nguyễn Thanh T liên đới thanh toán cho Ngân hàng N nợ gốc tiền vay và lãi suất tính đến ngày 27/11/2019 là 85.256.944 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.972.222 đồng, nợ lãi quá hạn 8.284.722 đồng; Ngân hàng C nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 27/11/2019 của ba hợp đồng là 51.660.528 đồng, trong đó nợ gốc 37.000.000 đồng, nợ lãi 14.660.528 đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019 bà Th và ông T chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng N; Ngân hàng C thì còn phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ gốc, mức lãi suất theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.423.000 đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.911.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016144 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính